TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1457/2023/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1896/2023/TLST- VHNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
1. Vũ Hồng N, sinh năm 1981;
Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1981.
Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/9/2008 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1 khai, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách. Ông bà đã nhiều lần tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ,

cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng ông bà thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1 xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Nguyên P, sinh ngày 08/7/2009 và Vũ Nguyên P1, sinh ngày 05/02/2011. Ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (tổng là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1 phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 8 năm 2023 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của ông N, bà N1 đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Vũ Hồng N, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1981.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Vũ Nguyên P, sinh ngày 08/7/2009 và Vũ Nguyên P1, sinh ngày 05/02/2011. Ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (tổng là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, ông N, bà N1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông N (không trực tiếp nuôi con) được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các

bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: Ông Vũ Hồng N và bà Nguyễn Thị Hồng N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008661 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám